

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 94/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực như sau:**1. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d tại khoản 1 Điều 3 như sau:**

“đ) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 5 Điều 12 của Luật này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:**a) Bổ sung khoản 12a vào sau khoản 12 như sau:**

“12a. *Điện* là một dạng năng lượng thứ cấp và là hàng hóa đặc biệt, được sản xuất, tiêu thụ đồng thời và cân bằng tại mọi thời điểm trong giới hạn cho phép; không cầm nắm được, không nhìn thấy được, khó lưu trữ được với quy mô lớn một cách kinh tế, không phân biệt được theo loại hình nguồn điện sản xuất trong hệ thống điện; là yếu tố đầu vào thiết yếu của các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 14 như sau:

“đ) Năng lượng từ sức nước, gồm cả thủy điện, thủy điện tích năng từ nguồn điện không sử dụng năng lượng hóa thạch;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 17 như sau:

“17. Điều hành giao dịch thị trường điện là hoạt động quản lý, vận hành và điều phối các giao dịch mua bán điện và dịch vụ phụ trợ trên thị trường điện cạnh tranh; thực hiện chức năng thanh toán tập trung trên thị trường điện giao ngay.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 31 như sau:

“31. *Hệ thống lưu trữ điện* là tập hợp các ***công trình***, thiết bị để nhận điện từ các nguồn điện, tích trữ năng lượng và phát điện.”;

đ) Bổ sung khoản 43a vào sau khoản 43 như sau:

“43a. *Mô hình khu, cụm* là khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu đô thị, khu thương mại tự do.”;

e) Bổ sung khoản 44a vào sau khoản 44 như sau:

“44a. *Nhà máy điện hạt nhân mô đun nhỏ* là nhà máy điện hạt nhân sử dụng các lò phản ứng hạt nhân mô đun nhỏ (Small Module Reactor) theo định nghĩa, phân loại của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA).”;

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 51 như sau:

“51. *Trộm cắp điện* là hành vi xâm phạm quyền lợi của bên bán điện bằng một hoặc nhiều hành vi sau: lấy điện không qua công tơ điện, cố ý tác động làm sai lệch chỉ số đo đếm của công tơ điện và thiết bị điện khác có liên quan đến đo đếm điện, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đo đếm điện hoặc hành vi khác cố ý phản ánh số liệu sử dụng điện không đúng thực tế.”;

h) Bổ sung khoản 52 và khoản 53 vào sau khoản 51 như sau:

“52. *Chứng chỉ năng lượng tái tạo* (viết tắt theo tiếng Anh là REC, Renewable Energy Certificate) là một công cụ dựa trên thị trường để xác nhận thuộc tính môi trường của 01 MWh điện năng được sản xuất từ nguồn điện năng lượng tái tạo, được quản lý và sử dụng theo quy định của Chính phủ.

53. *Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam* là thị trường để thực hiện các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, phát hành Chứng chỉ năng lượng tái tạo và được quản lý theo quy định của Chính phủ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

“a) Điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện quốc gia;

b) Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân, trừ nhà máy điện hạt nhân mô đun nhỏ; nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, lưới điện truyền tải quan trọng từ cấp điện áp 220 kV trở lên theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng dự án điện lực, hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước được vận hành lưới điện do mình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.”;

c) Bổ sung khoản 4a và khoản 4b vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Xây dựng, phát triển và ứng dụng lưới điện thông minh và công nghệ

hiện đại nhằm nâng cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện, chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu vận hành hệ thống điện; góp phần nâng cao năng suất lao động, triển khai hiệu quả các chương trình quản lý nhu cầu điện; tích hợp và khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, nguồn điện phân tán và công nghệ mới trong hệ thống điện.

4b. Thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu ngành về điện lực và năng lượng liên quan.”;

d) Bổ sung điểm c vào sau điểm b của khoản 9 như sau:

“c) Có cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo như thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo; hướng tới xây dựng tiêu chuẩn, tỉ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư nguồn điện và cung cấp năng lượng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quy mô hệ thống điện trong từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh.”;

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 11 như sau:

“b) Tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và có thế mạnh của doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực điện lực; tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và gia tăng giá trị doanh nghiệp.”;

e) Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 12 như sau:

e1) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý và xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng chưa tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh khi chưa đủ điều kiện tham gia, phù hợp với các giai đoạn phát triển thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.”;

e2) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

“e) Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua điện, giá bán điện không vượt quá khung giá điện, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định.”;

g) Bổ sung điểm c vào sau điểm b của khoản 13 như sau:

“c) Trường hợp có chủ trương của Nhà nước về việc thực hiện hỗ trợ tiền điện cho các đối tượng khách hàng đặc thù, nguồn hỗ trợ được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn tài chính, quỹ hợp lệ, hợp pháp theo các trường hợp cụ thể theo quy định hiện hành có liên quan.”.

h) Bổ sung khoản 14 vào sau khoản 13 như sau:

“14. Trong từng thời kỳ, Nhà nước có cơ chế hỗ trợ phù hợp cho nhà đầu tư thực hiện các dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới phi lợi nhuận.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 8 như sau:

“Điều 8. Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Chuyển đổi số, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về điện lực và năng lượng liên quan:

a) Nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp và vận hành thống nhất chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu ngành và địa phương về lĩnh vực điện lực và năng lượng liên quan phục vụ quản lý nhà nước bảo đảm phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn và an ninh năng lượng;

b) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành về điện lực và năng lượng liên quan, bảo đảm tính chính xác, kịp thời, minh bạch, liên thông, an toàn thông tin và tuân thủ quy định pháp luật;

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị điện lực, đơn vị năng lượng và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, dữ liệu theo quy định của Chính phủ;

d) Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quy hoạch phát triển điện lực, phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện

1. Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện là nội dung trong quy hoạch tỉnh.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển điện lực phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định của Luật này.

4. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân;

b) Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, bảo đảm phát triển bền vững;

c) Tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình phù hợp đi đôi với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia;

d) Thực hiện chuyển dịch năng lượng theo các mục tiêu, cam kết quốc gia trên cơ sở tiến bộ khoa học, công nghệ, chính sách phát triển về năng lượng tái

tạo, năng lượng mới;

d) Bảo đảm định hướng phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ với nguồn điện, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải của các vùng, địa phương;

e) Định hướng các dự án nguồn điện, lưới điện có quy mô lớn, có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng, liên tỉnh, liên kết các nước trong khu vực theo quy định của Chính phủ.

5. Quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh không bao gồm các dự án sau đây:

a) Nguồn điện không tác động hoặc tác động nhỏ đến hệ thống điện quốc gia, trừ trường hợp mua bán điện với nước ngoài đấu nối trực tiếp không thông qua hệ thống điện quốc gia;

b) Lưới điện hạ áp;

c) Cải tạo, nâng cấp dự án điện lực không làm tăng quy mô công suất hoặc cấp điện áp, không phát sinh nhu cầu sử dụng đất ngoài phạm vi công trình điện lực hiện hữu;

d) Di dời công trình lưới điện hiện hữu;

đ) Nguồn điện sản xuất từ xử lý rác thải đô thị, chất thải rắn có công suất phù hợp với quy mô của các khu xử lý chất thải tập trung được xác định trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn điện sản xuất từ thu hồi khí dư, nhiệt dư, nước dư của các nhà máy; nguồn điện đồng phát sinh khối và lưới điện đấu nối đồng bộ các nguồn này;

e) Các thiết bị nâng cao khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện quốc gia;

g) Hệ thống lưu trữ điện không tác động hoặc tác động nhỏ đến lưới điện; được tích hợp trong dự án nguồn điện năng lượng tái tạo; có quy mô đấu nối ở lưới phân phối phục vụ ổn định điện áp, giảm quá tải cục bộ hoặc phục vụ mục đích kỹ thuật của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 5 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh

1. Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch phát triển điện lực, phù hợp với phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh về phương án phát triển, sắp xếp, phân bố không gian phát triển cho ngành điện lực.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển điện lực. Trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự thủ tục rút gọn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh và báo cáo Bộ Công

Thương về kết quả điều chỉnh quy hoạch.

3. Quy định chung của quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh:

- a) Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch phát triển điện lực;
- b) Được lập đồng thời với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch tỉnh và được phê duyệt sau khi quy hoạch phát triển điện lực được duyệt;
- c) Thời kỳ, tầm nhìn quy hoạch thực hiện theo thời kỳ, tầm nhìn của quy hoạch phát triển điện lực;

d) Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch mà quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh thời kỳ tiếp theo chưa được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện quy hoạch thời kỳ trước cho đến khi quy hoạch thời kỳ tiếp theo được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt;

đ) Chi phí lập, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn hợp pháp khác;

e) Chi phí thẩm định quy hoạch, đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Đánh giá quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh:

a) Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh được thực hiện đánh giá theo định kỳ 05 năm; đánh giá đột xuất hoặc khi xuất hiện nhu cầu điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh;

c) Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch được thể hiện bằng báo cáo, bao gồm những nội dung chủ yếu sau: tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch; xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tổ chức thực hiện quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch; kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).

5. Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết ngành được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Luật Quy hoạch.

6. Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh được áp dụng theo một trong các căn cứ quy định tại Luật Quy hoạch đối với việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

7. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn được áp dụng căn cứ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Quy hoạch hoặc một trong các căn cứ sau đây:

a) Việc điều chỉnh quy hoạch để thực hiện các nghĩa vụ theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Khi phát sinh tăng nhu cầu phụ tải điện hoặc các dự án điện lực trong thời kỳ quy hoạch không thực hiện hoặc bị chậm tiến độ dẫn đến không đáp ứng khả năng cung cấp điện trong thời kỳ quy hoạch;

c) Việc điều chỉnh một số chỉ tiêu hoặc yêu cầu kỹ thuật của dự án điện lực được xác định trong quy hoạch nhưng không thay đổi quan điểm, mục tiêu của quy hoạch.

8. Việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch; trừ trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

9. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết các nội dung sau đây:

- a) Tổ chức lập quy hoạch và nội dung quy hoạch;
- b) Thẩm định quy hoạch và phê duyệt quy hoạch;
- c) Công bố, cung cấp thông tin quy hoạch và thực hiện quy hoạch;
- d) Đánh giá, điều chỉnh quy hoạch.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trong từng thời kỳ và đối với từng loại hình dự án đầu tư nguồn điện, Chính phủ quy định về cơ chế bảo đảm tiêu thụ nguồn khí thiên nhiên khai thác trong nước; nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện; sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn và thời gian áp dụng; các cơ chế phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh.”;

b) Bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Đối với dự án lưới điện thuộc đối tượng phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi khác theo quy định của Luật Xây dựng.

6. Đơn vị truyền tải điện đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải được thu hồi chi phí thông qua giá dịch vụ truyền tải theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật này và ký kết hợp đồng dịch vụ truyền tải với đơn vị điện lực hoặc khách hàng sử dụng lưới điện truyền tải, trừ các trường hợp đầu tư lưới điện đấu nối đồng bộ trong phạm vi dự án đầu tư nguồn điện được xác định trong giá dịch vụ phát điện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này hoặc lưới điện kết nối riêng để mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Điều 47 của Luật này.

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải được cơ quan nhà

nước có thẩm quyền quyết định thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hồ sơ hợp đồng dự án lưới điện đầu tư theo phương thức đối tác công tư áp dụng loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) bao gồm các tài liệu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và hợp đồng dịch vụ truyền tải.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Chủ trương đầu tư dự án điện lực

1. Trừ dự án điện lực khẩn cấp, cấp bách quy định tại Điều 14 của Luật này và dự án điện lực quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều này, việc quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án điện lực thuộc diện quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư.

2. Các dự án đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp mà nhà đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc có đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

Căn cứ phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh, đề xuất đầu tư dự án lưới điện trung áp, hạ áp của nhà đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt danh mục dự án. Quyết định này là cơ sở thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này; quy định các trường hợp dự án đầu tư kinh doanh điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 19 Điều 24 của Luật Đầu tư.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách

1. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách bao gồm:

a) Dự án, công trình điện lực khẩn cấp được xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhằm kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Dự án, công trình xây dựng nguồn điện và lưới điện đấu nối cấp bách nhằm bù đắp lượng công suất nguồn điện thiếu hụt so với công suất theo quy hoạch phát triển điện lực: do chậm tiến độ của các dự án đầu tư xây dựng nguồn điện khác gây nguy cơ thiếu điện; do phụ tải khu vực, quốc gia tăng ngoài dự tính; do dừng dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn điện khác;

c) Dự án, công trình xây dựng lưới điện cấp bách có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực để chống quá tải của lưới điện; theo yêu cầu cấp bách bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí xác định dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này trên cơ sở bảo đảm kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Quy định đặc thù đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách

1. Dự án, công trình điện lực khẩn cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này được áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng khẩn cấp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này được áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án, công trình xây dựng cấp bách và một số quy định đặc thù sau đây:

a) Không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, đặc biệt là rừng tự nhiên khi xây dựng các dự án điện lực.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều này thay thế văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và là cơ sở giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đối với dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều này đồng thời là văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quyết định của Thủ tướng Chính phủ phải ghi rõ diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án;

b) Được bảo lãnh Chính phủ theo quy định của Luật Quản lý nợ công; được Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với doanh nghiệp và người có liên quan vượt quá giới hạn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; được miễn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

c) Được áp dụng cơ chế quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này.

3. Thẩm quyền quyết định dự án, công trình điện lực khẩn cấp, cấp bách được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt danh mục dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này trên cơ sở đánh giá, đề xuất của Bộ Công Thương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ dự án, công trình điện lực cấp bách sử dụng vốn đầu tư công, dự án thuộc thẩm quyền Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định giao doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ

100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư dự án, công trình điện lực cấp bách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này;

c) Thẩm quyền quyết định việc xây dựng dự án, công trình điện lực khẩn cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.

11. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 của Điều 16 như sau:

“5. Bảo lãnh Chính phủ (GGU) (nếu có) là văn bản do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký thay mặt Chính phủ nhằm bảo đảm đầu tư và ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án. Bảo lãnh Chính phủ không phải là điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế, pháp luật về thỏa thuận quốc tế.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi điểm a như sau:

“a) Dự án điện lực đầu tư thuộc độc quyền của Nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này được chấp thuận cho nhà đầu tư là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp này nắm giữ 100% vốn điều lệ;”.

b) Sửa đổi điểm c, điểm d và điểm đ như sau:

“c) Dự án lưới điện, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này và lưới điện đấu nối đồng bộ thuộc phạm vi đầu tư dự án nguồn điện quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này;

d) Dự án điện lực cấp bách thực hiện lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này;

đ) Dự án điện gió ngoài khơi thực hiện theo quy định pháp luật về dầu khí;”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 như sau:

“1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này, trừ dự án điện gió ngoài khơi **thực hiện theo quy định pháp luật về dầu khí**, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án điện lực khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện là giá điện; đối với dự án điện lực không có khung giá do Bộ Công Thương ban hành hoặc dự án điện lực thực hiện mua bán điện trực tiếp thì tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả phát triển ngành điện thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Giá điện trúng thầu (**bao gồm cả dự án điện gió ngoài khơi bán điện lên hệ thống điện quốc gia**) là giá hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện có trách nhiệm đàm phán và giao kết hợp đồng mua bán điện với nhà đầu tư trúng thầu.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:

a) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 2 như sau:

“h) Phát huy, mở rộng tối đa công suất của các nhà máy thủy điện hiện có; phát triển có chọn lọc đối với các dự án thủy điện nhỏ và vừa.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời phải đầu tư hệ thống lưu trữ điện **theo quy định của Chính phủ**; khuyến khích tổ chức, cá nhân sở hữu dự án điện mặt trời, điện gió đã vận hành đầu tư bổ sung hệ thống lưu trữ điện; khuyến khích đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời kết hợp với đầu tư sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh để phục vụ hoạt động phát điện, sử dụng điện. Đối với nguồn điện mặt trời và điện gió có đầu nối vào hệ thống điện quốc gia, tổng công suất phát của nhà máy điện mặt trời, điện gió và công suất hệ thống lưu trữ điện không được vượt quá công suất của nhà máy điện mặt trời, điện gió đã được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh; công suất lắp đặt do chủ đầu tư quyết định trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên cơ sở bảo đảm tỉ lệ công suất hệ thống lưu trữ điện theo quy định và hiệu quả sử dụng tài nguyên.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Dự án điện gió trên biển gồm có toàn bộ tua bin điện gió được xây dựng trên vùng biển Việt Nam (bao gồm xây dựng trên cả các đảo) và nằm ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền về phía biển. Dự án điện gió trên biển gồm các loại sau đây:”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau đây:

a) Đầu tư hệ thống lưu trữ điện kết hợp với dự án, hệ thống điện gió, điện mặt trời;

b) Phát triển điện gió, điện mặt trời tại các mô hình khu, cụm để bảo đảm vận hành an toàn lưới điện và chất lượng điện năng;

c) Cơ chế chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc thông số nguồn năng lượng sơ cấp và thống kê sản lượng điện của nhà máy điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, trừ nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;

d) Điểm h khoản 2 Điều này.”.

15. Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:

“Điều 20a. Chứng chỉ năng lượng tái tạo

1. Nguyên tắc hoạt động thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam:

a) Bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch;

b) Chứng chỉ năng lượng tái tạo được giao dịch và sử dụng tách biệt với việc mua bán và sử dụng điện; tổ chức, cá nhân sở hữu chứng chỉ năng lượng tái tạo được xác nhận là đã sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch;

c) Quản lý Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam được thực hiện thông qua các bước: sản xuất, đăng ký, chứng nhận, giao dịch và sử dụng.

Mỗi chứng chỉ năng lượng tái tạo được giao dịch và sử dụng một lần; giá mua bán, giao dịch REC phụ thuộc vào thị trường;

d) Quản lý thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam được thực hiện thông qua Hệ thống đăng ký và chứng nhận Chứng chỉ năng lượng tái tạo;

đ) Các bên tham gia Thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị chứng nhận hồ sơ đăng ký phát hành REC, đơn vị đăng ký phát hành REC (người bán), đơn vị sử dụng REC (người mua) và các đơn vị trung gian.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này; lộ trình phát triển thị trường Chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam; các hình thức giao dịch mua bán REC; trình tự, thủ tục đăng ký, chứng nhận, phát hành, giao dịch mua bán và sử dụng REC; quản lý, giám sát hoạt động và các quy định khác cần thiết để triển khai thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo Việt Nam.”.

16. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Trừ các nội dung điều tra cơ bản theo quy định pháp luật về dầu khí, phạm vi điều tra cơ bản về tài nguyên điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm:”.

17. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Căn cứ khả năng kỹ thuật, điều kiện kinh tế và khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng, trình hồ sơ chính sách để*** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình lắp đặt điện tự sản xuất, tự tiêu thụ như sau:”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 và khoản 7 của Điều 30 như sau:

“5. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện được cấp cho tổ chức sở hữu hệ thống lưu trữ điện, nhà máy điện theo hạng mục công trình hoặc công trình, ***đã bao gồm các hạng mục công trình lưới điện đấu nối từ hệ thống lưu trữ điện, nhà máy điện đến trạm điện của hệ thống lưu trữ điện, nhà máy điện đó.***

6. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành.

7. Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện được cấp theo phạm vi quản lý, vận hành.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Đối với lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hạng mục công trình, công trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện; được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa

hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Có hạng mục công trình, công trình phát điện được xây dựng, lắp đặt phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh và các quyết định điều chỉnh (nếu có) trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 10 của Luật này; tuân thủ quy định của pháp luật về biển, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Có tài liệu quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực phát điện nhà máy thủy điện;

d) Có thỏa thuận đầu nối và có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu phù hợp với yêu cầu vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định của pháp luật về điện lực đối với lĩnh vực phát điện;

đ) Có đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Đối với lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện, có đội ngũ kinh doanh đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện đối với các lĩnh vực và trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực; quy định chi tiết điều kiện duy trì hoạt động điện lực đối với các tổ chức đã được cấp giấy phép.”.

20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực cho tổ chức trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp giấy phép lần đầu đối với hạng mục công trình hoặc công trình phát điện trong lĩnh vực phát điện;

b) Cấp giấy phép lần đầu đối với phạm vi cụ thể trong lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện;

c) Cấp mới giấy phép hoạt động điện lực trong trường hợp tăng quy mô công suất trong lĩnh vực phát điện; mở rộng phạm vi hoạt động trong lĩnh vực truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Theo đề nghị của tổ chức khi có sự thay đổi một trong các nội dung của giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 1 Điều 34, giảm lĩnh vực hoạt động điện lực quy định tại khoản 2 Điều 34, thay đổi phạm vi hoạt động điện lực quy định tại khoản 3 Điều 34 hoặc thay đổi thông số kỹ thuật chính của công trình điện, công nghệ sử dụng trong hoạt động điện lực quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật này trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực cho tổ chức trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép đã cấp còn thời hạn bị mất, bị hỏng;
- b) Giấy phép đã cấp còn thời hạn dưới 06 tháng hoặc hết hạn. Trong trường hợp này, các nội dung của giấy phép quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 34 của Luật này không thay đổi so với giấy phép đã cấp;
- c) Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực

1. Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Tổ chức được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 1 Điều này phải tuân thủ quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành, quy định về giá điện, điều kiện về kỹ thuật, an toàn và nghĩa vụ theo lĩnh vực hoạt động điện lực được quy định tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, kiểm tra tổ chức hoạt động điện lực tại địa phương đối với trường hợp miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36 như sau:

“a) Tổ chức có nhu cầu ngừng hoạt động điện lực;”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 như sau:

“3. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Công Thương phân cấp cho đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của Luật này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc tham gia của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với lộ trình phát triển và thiết kế thị trường điện cạnh tranh.”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nguyên tắc vận hành thị trường điện và các nội dung chi tiết quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.”.

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

a) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Đối với Đơn vị phát điện tham gia thị trường điện cạnh tranh, hợp đồng mua bán điện phải được chuyển đổi sang hợp đồng kỳ hạn điện phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản 2 và khoản 2a Điều này bảo đảm phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh.”.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 45 như sau:

“4. Hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện là các hợp đồng tài chính phái sinh và không chịu thuế giá trị gia tăng.”.

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 8 Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mua bán điện với nước ngoài bao gồm hoạt động mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia hoặc đấu nối trực tiếp không thông qua hệ thống điện quốc gia. Việc mua bán điện với nước ngoài phải bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, lợi ích của Nhà nước và Nhân dân, lợi ích của khách hàng sử dụng điện và phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh đã được phê duyệt.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Dự án, công trình điện lực liên kết lưới điện với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam cần đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật, quy trình quản lý, vận hành hệ thống điện quốc gia hoặc thực hiện theo thỏa thuận tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Bộ trưởng Bộ Công Thương chấp thuận chủ trương mua bán điện với nước ngoài phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh đã được phê duyệt; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt khung giá nhập khẩu điện, phương pháp lập khung giá nhập khẩu điện áp dụng cho các nước cụ thể, hồ sơ, trình tự, thủ tục mua bán điện với nước ngoài.”.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 47 như sau:

“Điều 47. Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn, đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm và đơn vị phát điện”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp mua bán điện trực tiếp:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 như sau:

c1) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Nguyên tắc mua bán điện trực tiếp.”;

c2) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 như sau:

“c) Giá mua bán điện tại hợp đồng mua bán điện theo cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện kết nối riêng và tại hợp đồng kỳ hạn điện theo cơ chế mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện quốc gia do bên bán điện và bên mua điện đàm phán, thỏa thuận.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các bên liên quan khi tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn, đơn vị bán lẻ điện tại các mô hình khu, cụm và đơn vị phát điện.”;

đ) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các quy mô khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp tại Điều này.”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 48 như sau:

“4. Bên mua điện không trả tiền điện theo thỏa thuận tại hợp đồng và đã được bên bán điện thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 lần cách nhau không dưới 03 ngày thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Hai bên tự thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng mua bán điện về thời điểm bên bán điện bắt đầu có quyền ngừng cấp điện. Thời điểm thỏa thuận này không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên. Kể từ thời điểm đã được thỏa thuận này, bên bán điện có quyền thực hiện ngừng cấp điện nhưng phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho bên mua điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Sau khi bên mua điện thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực thì bên bán điện phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.”

31. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Các trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp điện bao gồm:

a) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, bên bán điện được phép ngừng, giảm mức cung cấp; phải thông báo tình trạng cấp điện và thời gian dự kiến cấp điện trở lại cho bên mua điện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ngừng, giảm mức cung cấp điện;

b) Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện và các nhu cầu khác theo kế hoạch của bên bán điện hoặc theo yêu cầu của bên mua điện hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong trường hợp để bảo đảm an

toàn thi công các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c) Khi tổ chức, cá nhân liên quan có yêu cầu ngừng cấp điện để bảo đảm an toàn phục vụ thi công các công trình không thuộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thông nhất phạm vi ảnh hưởng của việc ngừng cấp điện với bên bán điện. Bên bán điện có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý tại địa phương thông qua phạm vi ảnh hưởng của việc ngừng cấp điện trước khi thực hiện và thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại các khoản 2, 4, 7, 8, 9 và khoản 11 Điều 9 của Luật này;

đ) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật này.”.

e) Không thanh toán tiền điện quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này;

g) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện quy định tại khoản 2 Điều này; phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại.”.

32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 50 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Giá bán lẻ điện được quy định chi tiết cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh. Giá bán lẻ điện theo thời gian sử dụng điện trong ngày được áp dụng đối với khách hàng sử dụng điện đủ điều kiện, bao gồm giá bán lẻ điện giờ cao điểm, thấp điểm và bình thường. Đối với nhóm khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt, áp dụng giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang tăng dần đối với khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh. Đối với các nhóm khách hàng ngoài sinh hoạt, giá bán lẻ điện được quy định phù hợp với lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c và điểm d khoản 3 như sau:

“b) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân;

c) Bộ Công Thương xây dựng, trình Chính phủ quy định các nội dung tại

điểm a khoản này, giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh, cơ chế hỗ trợ tiền điện quy định tại điểm c khoản 13 Điều 5 của Luật này và cơ chế giá bán lẻ điện nhiều thành phần; Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ lộ trình xóa bỏ bù chéo giá điện quy định tại khoản 12 Điều 5 của Luật này và lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, bao gồm giá bán lẻ điện có nhiều thành phần mà trong đó có tối thiểu 02 thành phần như giá công suất, giá điện năng, giá cố định, giá biến đổi hoặc thành phần giá khác (nếu có) được áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép;

d) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung sau đây:

d1) Phương pháp xác định giá bán buôn điện; phương pháp lập và trình tự, thủ tục phê duyệt khung giá bán buôn điện;

d2) Quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện và giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện, bao gồm cả giá bán lẻ điện có nhiều thành phần.”;

c) Bổ sung điểm đ và điểm e vào sau điểm d khoản 3 như sau:

“đ) Bộ Công Thương quyết định về giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng sử dụng điện; giá bán điện cho các đơn vị bán lẻ điện sau khi giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân;

e) Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá bán buôn điện do đơn vị điện lực xây dựng và trình.”.

33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ thuộc loại hình thủy điện, mặt trời được áp dụng cơ chế biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công Thương quy định. Khi nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ hết thời hạn áp dụng biểu giá chi phí tránh được hoặc hết thời hạn áp dụng giá hợp đồng mua bán điện, bên bán điện được phép lựa chọn hoặc áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc áp dụng theo quyết định giá điện hằng năm của Bộ Công Thương trên cơ sở tỷ lệ giá thị trường điện bình quân thực tế của năm trước liền kề, tỷ lệ này không vượt quá 1,0;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 như sau:

“a) Nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ khi hết thời hạn áp dụng biểu giá chi phí tránh được hoặc hết thời hạn áp dụng giá hợp đồng mua bán điện;

b) Các nhà máy điện đã hết thời hạn hợp đồng mua bán điện hoặc đã hết vòng đời dự án.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định khung giá phát điện; phê duyệt khung giá phát điện trừ các nhà máy điện quy định tại khoản 2 Điều này.

Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt khung giá phát điện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn vốn hợp pháp khác.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định chi phí phát điện của nhà máy điện trong giai đoạn chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này;

b) Nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật này để hỗ trợ điều tiết hệ thống theo danh sách do Bộ Công Thương quyết định;

c) Nhà máy điện khác không xác định được giá dịch vụ phát điện.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Căn cứ đặc thù của từng loại hình nhà máy điện theo từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định:

a) Phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện theo cơ chế giá điện nhiều thành phần, bao gồm giá công suất, giá điện năng hoặc thành phần giá khác (nếu có);

b) Các trường hợp không áp dụng khung giá phát điện.”.

34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Giá bán lẻ điện được phản ánh và điều chỉnh kịp thời theo biến động thực tế của thông số đầu vào, bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ với lợi nhuận hợp lý để bảo toàn, phát triển vốn kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh Trường hợp chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ cho việc sản xuất, cung ứng điện của đơn vị bán lẻ điện chưa được bù đắp đầy đủ trong các lần tính toán, điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân thì được phân bổ tính toán trong các lần tính toán, điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tiếp theo.

Đơn vị bán lẻ có trách nhiệm công khai minh bạch các cấu phần hình thành giá bán lẻ điện bình quân, trong đó bao gồm chi phí từ các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và điều hành - quản lý ngành) và các yếu tố đầu vào có tác động lớn đến giá điện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hằng năm đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm lập, báo cáo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra và công bố công khai chi phí thực tế thực hiện trong tính toán giá bán lẻ điện bình quân. Bộ Công Thương quy định chi tiết khoản này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Căn cứ điều chỉnh giá dịch vụ về điện tại hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ về điện đã ký bao gồm:

a) Thay đổi về chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp của một bên hoặc cả hai bên ký hợp đồng;

b) Thực hiện yêu cầu rà soát, điều chỉnh giá dịch vụ về điện của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Bên bán điện, bên cung cấp dịch vụ về điện được giao đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục (ngoài phạm vi quản lý đầu tư của đơn vị phát điện, đơn vị cung cấp dịch vụ về điện tại hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ về điện đã ký) để thực hiện quy hoạch hoặc để thực hiện yêu cầu mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Tối ưu hoá quy trình quản lý, sản xuất, thay đổi công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất điện.”.

35. Sửa đổi khoản 3 Điều 53 như sau:

“3. Trong trường hợp xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu nguồn điện dẫn tới nguy cơ phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện hoặc xảy ra tình huống mất khả dụng nguồn điện, sự cố hệ thống truyền tải điện, tăng trưởng đột biến của nhu cầu phụ tải dẫn đến tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc vận hành, huy động các nhà máy điện nhằm bảo đảm cung cấp điện. Nhà máy điện có trách nhiệm tuân thủ việc huy động, bảo đảm vận hành các tổ máy, thiết bị an toàn và báo cáo chủ sở hữu về việc thực hiện lệnh huy động. Bên mua điện có trách nhiệm thỏa thuận và thanh toán chi phí huy động.”.

36. Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 như sau:

“Điều 54a. Lưới điện thông minh

1. Áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện; đảm bảo vận hành hệ thống điện, cung cấp điện an toàn, ổn định, tin cậy; nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ để phát triển, sản xuất và ứng dụng rộng rãi công nghệ lưới điện thông minh đối với hệ thống điện và khách hàng sử dụng điện.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Lộ trình phát triển Lưới điện Thông minh phù hợp với quy mô, cơ sở hạ tầng hệ thống điện, thị trường điện và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

3. Đơn vị điện lực có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai phát triển lưới điện thông minh phù hợp với tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để triển khai, quản lý và vận hành lưới điện thông minh bảo đảm an toàn, tin cậy, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với Lộ trình phát triển Lưới điện Thông minh.”.

37. Bổ sung điểm g sau điểm e của khoản 1 Điều 59 như sau:

“g) Thuê, giao đơn vị có đủ năng lực để quản lý, vận hành đường dây đầu nối nhà máy điện vào hệ thống điện quốc gia.”.

38. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 67 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị điện lực, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị điện lực, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực tại Luật này và luật khác có liên quan; kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực.”.

39. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 68 như sau:

“6. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và các yêu cầu sau:

a) Cây phát triển vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện phải được chủ sở hữu cây, người sử dụng đất kịp thời chặt tỉa phần vi phạm. Đơn vị điện lực phối hợp với chủ sở hữu cây, người sử dụng đất triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình chặt tỉa phần vi phạm;

b) Trường hợp cây phát triển có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp thì đơn vị điện lực có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đề yêu cầu chủ sở hữu cây, người sử dụng đất thực hiện chặt tỉa phần vi phạm;

c) Trường hợp cây phát triển vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây sự cố cho công trình điện lực thì tùy theo mức độ thiệt hại, chủ sở hữu cây, người sử dụng đất bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp cây thuộc các tuyến đường giao thông đường bộ hoặc cây tại các khu vực chưa xác định được chủ sở hữu cây thì đơn vị điện lực có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương tổ chức chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.”.

40. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

“Điều 70. Thử nghiệm thiết bị, dụng cụ điện

1. Thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục quy định tại khoản 3 Điều này phải được thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng, trong quá trình sử dụng, vận hành bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Việc thử nghiệm thiết bị, dụng cụ điện phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm hàng hóa.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung sau: danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải thử nghiệm; nội dung, quy trình thử nghiệm; chu kỳ thử nghiệm; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thử nghiệm thiết bị, dụng cụ điện.”.

41. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 71 như sau:

“d) Công trình phát điện (trừ công trình điện mặt trời mái nhà; dự án điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ) phải thực hiện đánh giá an toàn kỹ thuật định kỳ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”.

42. Sửa đổi khoản 2 Điều 72 như sau:

“2. Ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa và cáp điện đi ngầm trong đất hoặc đi chung với công trình khác phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc lắp đặt, cải tạo đường dây khác đi chung với đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị và được chủ đầu tư đường dây dẫn điện trên không cho phép. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành khai thác đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm có trách nhiệm thiết lập, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì báo hiệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật.”.

43. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 76 như sau:

“5. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được quy định như sau:

a) Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đối với công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp công trình thủy điện thuộc địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt nhà máy thủy điện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.”.

44. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 78 như sau:

“2. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cắm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện. Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm, mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện:

- a) Mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định của Chính phủ;
 b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.”.

45. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại bảng của khoản 3 Điều 79 như sau:

2	Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện (áp dụng cho các công trình tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí độc lập, tách riêng khỏi các nhà máy điện)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể
---	--	--

46. Bổ sung một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “bảo vệ môi trường” vào sau cụm từ “tiết kiệm tài nguyên năng lượng” tại điểm a khoản 12 Điều 5;

b) Bổ sung cụm từ “và thiết kế,” vào sau cụm từ “lộ trình phát triển”, cụm từ “Điều 38” vào sau cụm từ “khoản 11 Điều 5 của Luật này,” tại khoản 3 Điều 39;

c) Bổ sung cụm từ “phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh” vào cuối điểm a khoản 1 Điều 50;

d) Bổ sung cụm từ “, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện” vào cuối điểm a khoản 3 Điều 50;

đ) Bổ sung cụm từ “và thanh toán tiền điện cho các nhà máy điện trong trường hợp phải huy động các nhà máy điện do yêu cầu đảm bảo an ninh cung cấp điện quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật này.” vào cuối điểm g khoản 1 Điều 51;

e) Bổ sung cụm từ “và điều chỉnh” sau cụm từ “Căn cứ lập” tại khoản 1 Điều 52;

g) Bổ sung cụm từ “duy trì” vào sau cụm từ “Bảo đảm” tại điểm b khoản 2 Điều 58;

h) Bổ sung cụm từ “chủ động” vào sau cụm từ “ổn định, tin cậy;” tại điểm a khoản 2 Điều 59.

47. Thay thế một số từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Thay thế cụm từ “thiết bị đo đếm điện” bằng cụm từ “phương tiện đo đếm điện” tại khoản 50 Điều 4;

b) Thay thế cụm từ “cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng” bằng cụm từ “thực hiện phương thức cho vay lại” tại khoản 5 Điều 5;

c) Thay thế cụm từ “phương án phát triển mạng lưới cấp điện” bằng cụm từ “phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện” tại tên của Chương II;

d) Thay thế cụm từ “Bộ Tài Nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm d khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 21;

đ) Thay thế cụm từ “đo đếm điện năng” bằng cụm từ “đo đếm điện” tại khoản 4 Điều 53;

e) Thay thế cụm từ “Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương” tại khoản 4 Điều 54;

g) Thay thế cụm từ “kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực” bằng cụm từ “quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh” điểm c khoản 2 Điều 60;

h) Thay thế cụm từ “theo phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện” bằng cụm từ “theo phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện; quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 61;

i) Thay thế cụm từ “Điều hòa” bằng cụm từ “Điều hành” tại điểm b khoản 2 Điều 65;

k) Thay thế cụm từ “đo điện năng” bằng cụm từ “đo đếm điện” tại điểm đ khoản 1, khoản 5 và khoản 7 Điều 48, khoản 3 Điều 56, điểm d khoản 1 Điều 63 và điểm e khoản 2 Điều 66;

l) Thay thế cụm từ “Chính phủ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Công Thương” tại khoản 5 Điều 32, khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 6 Điều 44, khoản 5 Điều 67, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 77 và khoản 8 Điều 78;

m) Thay thế cụm từ “kiểm định” thành cụm từ “thử nghiệm” tại khoản 1 Điều 69;

o) Thay thế cụm từ “chủ đầu tư” thành cụm từ “chủ sở hữu” tại khoản 4 Điều 75;

p) Thay thế cụm từ “phương án bảo vệ công trình thủy điện” thành cụm từ “phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện” tại khoản 3 và khoản 4 của Điều 78;

q) Thay thế cụm từ “83/2015/QH13” bằng cụm từ “82/2015/QH13” tại khoản 2 Điều 79.

48. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều, từ, cụm từ tại Luật Điện lực số 61/2024/QH15 như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “chuyển đổi số, quản lý vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu và các nội dung ứng dụng khoa học, công nghệ khác trong lĩnh vực điện lực” tại khoản 3 Điều 8;

b) Bãi bỏ cụm từ “Hồ sơ” tại đoạn mở đầu của Điều 16;

c) Bãi bỏ cụm từ “Trường hợp điện dư được phát vào lưới điện trung áp, hạ áp quốc gia, giá phát điện dư thực hiện theo quy định của Chính phủ” tại khoản 3 Điều 17;

d) Bãi bỏ cụm từ “, giữa vùng, miền” tại điểm d khoản 2 Điều 39;

đ) Bãi bỏ cụm từ “giữa bên bán điện và bên mua điện” tại điểm b khoản 2 Điều 41;

e) Bãi bỏ điểm đ và điểm h khoản 12 Điều 5; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; khoản 7 Điều 46; khoản 5 Điều 53.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202...
2. Bổ sung số thứ tự 12 phần I tại mục 2 Quy hoạch chi tiết ngành trong Phụ lục danh mục quy hoạch ngành và quy hoạch chi tiết ngành của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 như sau:

TT	Tên quy hoạch chi tiết ngành	Văn bản quy định	Tên quy hoạch được cụ thể hóa
I	KẾT CẤU HẠ TẦNG		
12	Quy hoạch chi tiết phát triển điện lực cấp tỉnh	Luật Điện lực	Quy hoạch phát triển điện lực

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép hoạt động điện lực hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 để cấp giấy phép. Trường hợp tổ chức đề nghị thực hiện cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Luật này để cấp giấy phép hoạt động điện lực.

3. Đối với các dự án điện chất thải rắn, điện sinh khối đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đã có chủ đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định pháp luật tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư; việc đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện đối với các dự án này được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật còn hiệu lực tại thời điểm chấp thuận chủ trương đầu tư. Đối với các dự án đã ký kết hợp đồng mua bán điện từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết hoặc đàm phán, ký kết lại hợp đồng theo quy định tại khoản này.

4. Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ cho việc sản xuất, cung ứng điện chưa được bù đắp đầy đủ trong giá bán lẻ điện bình quân trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được phân bổ tính toán trong các lần tính toán, điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tiếp theo sau khi Luật Điện lực này được ban hành.

5. Cơ cấu biểu giá bán lẻ điện cho khách hàng cơ sở lưu trú du lịch tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến khi có quy định khác sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

phù hợp với lộ trình xóa bỏ bù chéo giá điện.

6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định đó.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ...
Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn